

2026



FROM | arkansas
health & wellness

Danh mục thuốc

ARKANSAS CONNECTED SILVER

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Connected Silver của Ambetter from Arkansas Health and Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu "**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**" cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl</i> <i>CPCR</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>SOLN</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TB24 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate</i> <i>PTCH</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
<i>GRASTEK SUBL</i>	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
<i>ARIKAYCE</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
<i>RINVOQ LQ SOLN</i>	4	QL(12 ML daily); PA
<i>RINVOQ TB24</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>XELJANZ XR TB24</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>XELJANZ SOLN</i>	4	QL(20 ML daily); PA
<i>XELJANZ TABS 5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>XELJANZ TABS 10 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
<i>ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML</i>	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ</i>	4	QL(0.143 ML daily); PA
<i>ADALIMUMAB-ADAZ SOSY</i>	4	QL(0.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPCR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA XR TB24 PO 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1		<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1		<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1		<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	0	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 EA daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 EA daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 EA daily)
CODEINE SULFATE TABS	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 EA daily)			
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ML daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	
ZUBSOLV SUBL	3	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	STRIVERDI RESPIMAT	2	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1	
DULERA	2		<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	Xanthines		
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1	QL(4 ML daily)	<i>theophylline ELIX</i>	1	
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1	QL(18 ML daily)	<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ML daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1		<i>theophylline TB12</i>	1	
<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ML daily)	<i>theophylline TB24</i>	1	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 GM daily)	ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	Coumarin Anticoagulants		
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>warfarin sodium TABS</i>	1	
			Direct Factor Xa Inhibitors		
			ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
			<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
			<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
			XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
			XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
			XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
			Heparins And Heparinoid-Like Agents		
			<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
			<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1	QL(3 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
<i>BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)</i>	2	QL(8 EA daily); PA
<i>BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)</i>	2	QL(2 EA daily); PA
<i>BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML (brivaracetam)</i>	3	QL(20 ML daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1	
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1	
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily); ST
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1	QL(2 EA daily); ST
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	1	QL(30 ML daily); ST
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1	
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ML daily); PA
<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	QL(2 EA daily); ST	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 EA daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1		<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ML daily)	TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1		TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1	QL(40 ML daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3		<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 EA daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 EA daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1		<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ML daily)	Carbamates		
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ML daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
			GABA Modulators		
			<i>tiagabine hcl</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1	
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1	
DILANTIN	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		<i>phenelzine sulfate</i>	1	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1		<i>tranylcypromine sulfate</i>	1	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1		N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1		SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
<i>phenytoin CHEW</i>	1		SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
<i>phenytoin SUSP</i>	1		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
Succinimides			<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1	
<i>ethosuximide CAPS</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1	
<i>ethosuximide SOLN</i>	1	QL(30 ML daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1	
<i>methsuximide</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1	
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1	
Valproic Acid			<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1	
<i>divalproex sodium TB24</i>	1		<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1		<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1		<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1	
<i>valproic acid CAPS</i>	1		<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			<i>paroxetine hcl TABS</i>	1	
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			<i>paroxetine hcl TB24</i>	1	
<i>mirtazapine TABS</i>	1		<i>sertraline hcl CONC</i>	1	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1		<i>sertraline hcl TABS</i>	1	
			Serotonin Modulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nefazodone hcl</i>	1		<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>trazodone hcl TABS</i>	1		<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1		<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1		<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1		<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1		JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
Tricyclic Agents			<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amoxapine</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1		SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1				
<i>imipramine hcl TABS</i>	1				
<i>imipramine pamoate</i>	1				
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1				
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1				
<i>protriptyline hcl</i>	1				
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1				
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					
<i>acarbose</i>	1	QL(3 EA daily)			
<i>miglitol</i>	1	QL(3 EA daily)			
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>liraglutide</i>	1	QL(0.3 ML daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA	Insulin		
Biguanides			APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1	QL(2.5 EA daily)	APIDRA SOLN	3	PA
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1	QL(5 EA daily)	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
Diabetic Other			INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1	QL(0.035 EA daily)	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1	
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			INSULIN LISPRO SOLN IJ	1	
<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 EA daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 EA daily)	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
			NOVOLIN N SUSP	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1	
NOVOLOG SOLN IJ	1	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 EA daily)

ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
Antiemetics - Miscellaneous		
<i>AKYNZEO</i>	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSR</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
<i>posaconazole TBEC</i>	3	QL(6 EA daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
ANTIHIISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1		<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1		<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1		Bile Acid Sequestrants		
Antihistamines - Non-Sedating			<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 GM daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 GM daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 EA daily)
<i>loratadine CAPS</i>	1		<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>loratadine CHEW</i>	1		<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1		<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 EA daily)
<i>loratadine TABS</i>	1		Fibric Acid Derivatives		
<i>loratadine TBDP</i>	1		<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 EA daily)
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1		<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>promethazine hcl TABS</i>	1		<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
Antihistamines - Piperidines			<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1		<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1		<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol			<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
Antihyperlipidemics - Combinations					
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 EA daily)			
Antihyperlipidemics - Misc.					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1	QL(0.15 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1	
<i>guanfacine hcl</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1		<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1		Antihypertensives - Misc.		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>VECAMYL</i>	3	PA
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1		<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST	<i>eplerenone</i>	1	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1		Vasodilators		
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
			<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
			<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
			ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
			Anti-infective Agents - Misc.		
			<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1	
			<i>pentamidine isethionate IN</i>	1	
			<i>tinidazole</i>	1	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>melphalan</i>	1		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1		LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	MVASI	4	PA
Antimetabolites			ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	LOQTORZI	4	PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1		OGIVRI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1		TRAZIMERA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP	TUKYSA	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	ERBITUX	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA			
TABLOID	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate SUSP</i>	1	
DAURISMO	4	PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1	
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>nilutamide</i>	1	QL(2 EA daily)
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA	ORGOVYX	4	PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 EA daily)	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1	QL(1 EA daily); SP	XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	<i>pomalidomide 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
<i>letrozole</i>	1		<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
			<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
			<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations			KYPROLIS	4	PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
			<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
			<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1	
Antiparkinson Dopaminergics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO	3	
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily)
FANAPT TITRATION PACK A	2	
<i>paliperidone</i>	1	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1	
<i>risperidone TABS</i>	1	
<i>risperidone TBDP</i>	1	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>haloperidol TABS</i>	1	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>clozapine TABS</i>	1	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 EA daily)	<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ML daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1	AL(At least 10 yrs old)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1		BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
Phenothiazines			CABENUVA	3	
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1		COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1		<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1		DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1		DESCOVY 200 MG-25 MG	3	
<i>perphenazine TABS</i>	1		DOVATO	3	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine</i>	1		EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
Quinolinone Derivatives			<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 EA daily)
REXULTI	3	PA	<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
Thioxanthenes			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>thiothixene</i>	1				
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections					
Antiretrovirals					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	RETROVIR SOLN	3	
<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 EA daily)
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 EA daily)	STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	SYMTUZA	3	
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)	TIVICAY PD TBSO	3	
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)	TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)	TRIUMEQ PD TBSO	3	
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
JULUCA	3	QL(1 EA daily)	TYBOST	3	QL(1 EA daily)
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ML daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ML daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	CMV Agents		
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ML daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	Hepatitis Agents		
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)	<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 EA daily); SP
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)			
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA	<i>rimantadine hydrochloride</i> TABS	1	QL(2 EA daily)
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS	1	QL(7 EA daily)	Alpha-Beta Blockers		
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> TABS 200 MG	1	QL(7 EA daily)	<i>carvedilol</i>	1	
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1	QL(1 EA daily); PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA	<i>labetalol hcl</i> SOLN	1	
Herpes Agents			<i>labetalol hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1	
<i>acyclovir</i> CAPS	1	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)	<i>labetalol hcl</i> TABS 300 MG	1	QL(8 EA daily)
<i>acyclovir</i> SUSP	1	QL(13.34 ML daily)	Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acyclovir</i> TABS PO	1	QL(5 EA daily)	<i>acebutolol hcl</i> CAPS	1	
<i>famciclovir</i> 125 MG, 250 MG	1	QL(3 EA daily)	<i>atenolol</i> TABS	1	
<i>famciclovir</i> 500 MG	1	QL(4 EA daily)	<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>valacyclovir hcl</i> 500 MG	1	QL(2 EA daily)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>valacyclovir hcl</i> 1 GM	1	QL(4 EA daily)	<i>metoprolol succinate</i> TB24 200 MG	1	QL(2 EA daily)
Influenza Agents			<i>metoprolol succinate</i> TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1	
<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>metoprolol tartrate</i> SOLN IV 5 MG/5ML	1	
<i>oseltamivir phosphate</i> SUSR	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>metoprolol tartrate</i> TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	1	
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail	<i>nebivolol hcl</i> 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	3	QL(1 EA daily)
			<i>nebivolol hcl</i> 20 MG	3	QL(2 EA daily)
			Beta Blockers Non-Selective		
			HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
			<i>nadolol</i> TABS 20 MG	1	QL(3 EA daily)
			<i>nadolol</i> TABS 80 MG	1	
			<i>nadolol</i> TABS 40 MG	1	QL(6 EA daily)
			<i>pindolol</i> TABS	1	
			<i>propranolol hcl</i> CP24	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1		<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>propranolol hcl TABS</i>	1		<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1		<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1		<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
<i>timolol maleate TABS</i>	1		Cardiac Glycosides		
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1		<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1		<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 EA daily)	CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1		Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1		<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 EA daily)
DILTIAZEM HCL SOLR	1		<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1		<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1		Impotence Agents		
<i>felodipine</i>	1		<i>avanafil</i>	1	QL(0.134 EA daily)
<i>isradipine CAPS</i>	1		<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1		<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1		Prostaglandin Vasodilators		
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1		<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 EA daily)	ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<i>nifedipine TB24</i>	1				
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 EA daily)			
<i>nimodipine CAPS</i>	1				
<i>nisoldipine</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>cephalexin SUSR</i>	1	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefprozil SUSR</i>	1	
<i>cefprozil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1	
<i>cefdinir SUSR</i>	1	
<i>cefixime CAPS</i>	1	
<i>cefixime SUSR</i>	1	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1		NATAZIA	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>ceftaroline fosamil 400 MG, 600 MG</i>	1		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
TEFLARO 400 MG, 600 MG (<i>ceftaroline fosamil</i>)	3		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
AVERI TABS PO	0		<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
FEMLYV TBDP	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Emergency Contraceptives					
ELLA				0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone TABS</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisone SOLN</i>	1	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisone TABS</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone TBPk</i>	1	
OPILL	0		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			SOLU-MEDROL 2 GM	3	
Glucocorticosteroids			<i>triamcinolone acetamide SUSP 40 MG/ML</i>	1	
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 EA daily)	Mineralocorticoids		
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1	
DEPO-MEDROL SUSP	3		COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1		Antitussives		
<i>dexamethasone ELIX</i>	1		<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dexamethasone SOLN</i>	1		<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>dexamethasone TABS</i>	1		<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail	Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocortisone TABS</i>	1		<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1	
MEDROL TABS	3		Misc. Respiratory Inhalants		
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1		HYPERSAL NEBU	1	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1		NEBUSAL NEBU	1	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1		<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1	
<i>methylprednisolone TBPk</i>	1		Mucolytics		
			<i>acetylcysteine SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1	
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 EA daily)
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ML daily)
Burn Products			<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 GM daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
SULFAMYLON CREA	3		Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 GM daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 GM daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 GM daily); ST
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 GM daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 GM daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ML daily)	<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 GM daily)	<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 GM daily)
			<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 GM daily)
			<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 GM daily)
			<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 GM daily)
			<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA
			<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.01 %	1		<i>hydrocortisone butyrate</i> SOLN	1	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.025 %	1	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate</i> CREA	1	
<i>fluocinolone acetonide</i> OIL	1	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate</i> OINT	1	
<i>fluocinolone acetonide</i> OINT	1	QL(4 GM daily)	<i>mometasone furoate</i> CREA	1	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> SOLN	1	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate</i> OINT	1	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified</i> base	1		<i>mometasone furoate</i> SOLN	1	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide</i> CREA	1	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) CREA 0.1 %	1	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide</i> GEL	1		<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) CREA 0.025 %	1	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide</i> OINT	1		<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) CREA 0.5 %	1	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide</i> SOLN	1		<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) LOTN 0.025 %	1	
<i>flurandrenolide</i> CREA	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) LOTN 0.1 %	1	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide</i> LOTN	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	1	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate</i> CREA 0.05 %	1	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide</i> (topical) OINT 0.5 %	1	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate</i> LOTN	1	QL(3.34 ML daily)	Eczema Agents		
<i>fluticasone propionate</i> OINT	1	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halcinonide</i> CREA	1	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate</i> CREA	1	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate</i> OINT	1	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA	Emollients		
<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 1 %, 2.5 %	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> CREA	1	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical)</i> LOTN 2.5 %	1		<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> LOTN 12 %	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical)</i> OINT 1 %, 2.5 %	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC			
<i>hydrocortisone butyrate</i> CREA	1	QL(3 GM daily)			
<i>hydrocortisone butyrate</i> OINT	1	QL(3 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1	
KETONE TEST STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1	
PRECISION XTRA KETONE	1	
RELION KETONE TEST STRP	1	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
Loop Diuretics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>torseamide TABS</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<i>cinacalcet hcl</i>	1	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Gallstone Solubilizing Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1	
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
FULPHILA	4	PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1	QL(1 EA daily)
Iron		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	
<i>temazepam</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 EA daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
<i>clarithromycin TABS</i>	1	
<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FEMCAP DEVI	0		TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1	RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC
RELION LANCETS	1	RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1	
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1	QL(5 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIQ	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ML daily)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Serotonin Agonists			<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	Bicarbonates		
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1	
			<i>electrolyte-a</i>	1	
			IONOSOL-MB IN D5W	1	
			ISOLYTE-P IN D5W	1	
			ISOLYTE-S	1	
			KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1	
NORMOSOL-M IN D5W	1	
NORMOSOL-R PH 7.4	1	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1	
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1	
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	1	
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1	
ringer's	1	
Fluoride		
sodium fluoride CHEW	0	QL(1 EA daily)
Phosphate		
potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	1	
Potassium		
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	1	
potassium bicarbonate TBEF	1	
potassium chloride microencapsulated crystals er	1	
potassium chloride CPCR	1	
potassium chloride PACK PO 20 MEQ	1	PA
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	1	
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	1	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
penicillamine CAPS	1	PA
penicillamine TABS	1	QL(8 EA daily)
trientine hcl 250 MG	4	QL(8 EA daily); SP; PA
Immunomodulators		
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA
lenalidomide 20 MG	4	QL(1 EA daily); PA
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1	
azathioprine TABS	1	
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	1	
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	1	
cyclosporine CAPS	1	
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	1	
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	4	QL(20 EA daily); SP; PA
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	4	QL(10 EA daily); PA
mycophenolate mofetil CAPS	1	
mycophenolate mofetil TABS	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mycophenolate sodium</i>	1	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ML daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
Dental Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUORIDEX DAILY RENEWAL CONC 0.63 %	0	RX/OTC
PERIOMED CONC 0.63 %	0	RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)	RELEVIA TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -		
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)	Drugs to Treat Spasms		
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)	Central Muscle Relaxants		
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)	<i>baclofen TABS</i>	1	
PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	<i>carisoprodol TABS</i>	1	
			<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
			<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
			<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
			<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
			<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
			<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 EA daily)
			<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
			<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
			Direct Muscle Relaxants		
			<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 EA daily)
			NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL -		
			Drugs to treat the Nose or Sinus		
			Nasal Antiallergy		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azelastine hcl</i>	1		<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1		<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
Nasal Anticholinergics			<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1		<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ML daily)	Cycloplegic Mydriatics		
Nasal Steroids			<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ML daily)
<i>budesonide (nasal)</i>	1		<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1	1 package(s) per fill retail	Miotics		
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC	<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 ML daily); RX/OTC	Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1		<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA	Ophthalmic Anti-infectives		
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles			<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
ALS Agents			<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>riluzole TABS</i>	3		<i>erythromycin (ophth)</i>	1	
NUTRIENTS			<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1	
Proteins			<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3		<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye			NATACYN	2	
Beta-blockers - Ophthalmic			<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1		<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
			<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
			<i>trifluridine</i>	1	
			ZIRGAN GEL	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
FML FORTE SUSP	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
<i>lofexidine hcl</i>	1	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 5 MG	1	QL(1 EA daily)	<i>glatiramer acetate SOSY</i> 20 MG/ML	4	QL(1 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> CP24	1	QL(1 EA daily)	LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
<i>galantamine hydrobromide</i> SOLN	1	QL(6 ML daily)	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>galantamine hydrobromide</i> TABS	1	QL(2 EA daily)	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>memantine hcl</i> TABS	1		PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>memantine hcl</i> TABS	1	QL(2 EA daily)	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>rivastigmine tartrate</i> CAPS	1		REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
Combination Psychotherapeutics			REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1		REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 EA daily)	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
Fibromyalgia Agents			<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA	<i>pregabalin (once-daily)</i> 330 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy			<i>pregabalin (once-daily)</i> 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 EA daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	<i>ergoloid mesylates</i> TABS	1	
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	<i>pimozide</i>	1	
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	Smoking Deterrents		
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate</i> CDPK	1	QL(2 EA daily)	<i>nicotine polacrilex</i> GUM	0	
<i>dimethyl fumarate</i> CPDR	1	QL(2 EA daily)	<i>nicotine polacrilex</i> LOZG	0	
<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)			
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 40 MG/ML	4	QL(0.43 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NICOTINE KIT	0		<i>demeclocycline hcl</i> TABS	1	
<i>nicotine</i> PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	0	QL(1 EA daily)	<i>doxycycline (monohydrate)</i> CAPS 75 MG	1	
NICOTROL NS SOLN	0		<i>doxycycline (monohydrate)</i> CAPS 50 MG, 100 MG	1	QL(2 EA daily)
NICOTROL INHA	0		<i>doxycycline (monohydrate)</i> TABS 50 MG, 75 MG	1	
<i>varenicline tartrate</i> TABS	0	QL(2 EA daily)	<i>doxycycline (monohydrate)</i> TABS 100 MG	1	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate</i> TBPK	0		<i>doxycycline hyclate</i> CAPS	1	QL(2 EA daily)
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>doxycycline hyclate</i> TABS 20 MG, 100 MG	1	QL(2 EA daily)
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)			<i>minocycline hcl</i> CAPS	1	QL(3 EA daily)
PROLASTIN-C SOLN	4	PA	<i>minocycline hcl</i> TABS	1	QL(3 EA daily)
PROLASTIN-C SOLR	4	PA	<i>tetracycline hcl</i> CAPS	1	QL(8 EA daily)
Cystic Fibrosis Agents			THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA	Antithyroid Agents		
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA	<i>methimazole</i> TABS	1	
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA	<i>propylthiouracil</i>	1	
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA	Thyroid Hormones		
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
Pulmonary Fibrosis Agents			ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA	EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>pirfenidone</i> CAPS	4		<i>levothyroxine sodium</i> TABS	1	
<i>pirfenidone</i> TABS 267 MG, 801 MG	4		<i>liothyronine sodium</i> SOLN	1	
<i>pirfenidone</i> TABS 534 MG	4	QL(3 EA daily); PA	<i>liothyronine sodium</i> TABS	1	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			NP THYROID TABS	1	QL(1 EA daily)
Sulfonamides			SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
<i>sulfadiazine</i> TABS	1		TOXOIDS		
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections					
Tetracyclines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ulcer Therapy Combinations			Bacterial Vaccines		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail	ACTHIB SOLR IM	0	
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 EA daily); RX/OTC	BEXSERO 0.5 ML	0	
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms			CAPVAXIVE	0	
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)			HIBERIX SOLR IJ	0	
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 EA daily)	MENQUADFI 0.5 ML	0	
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)	MENVEO SOLR	0	
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1		PEDVAX HIB SUSP	0	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1		PENBRAYA	0	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1		PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 EA daily)	PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 EA daily)	PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1		PREVNAR 13	0	
<i>trospium chloride CP24</i>	1	QL(1 EA daily)	PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>trospium chloride TABS</i>	1	QL(3 EA daily)	TRUMENBA 0.5 ML	0	
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists			VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA	Viral Vaccines		
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			ABRYSSVO	0	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1		AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>flavoxate hcl</i>	1		AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VACCINES			AREXVY	0	
			AUDENZ EMUL	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AUDENZ PRSY	0		FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0		FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0		FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSY	0		FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail	PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
IPOL IJ	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
JYNNEOS	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	ROTARIX SUSP	0	
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0		ROTATEQ SOLN	0	
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		SHINGRIX IM 50 MCG/0.5ML	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX SUSP	0	
MRESVIA	0		SPIKEVAX SUSY	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		VAQTA	0	
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		Spermicides		
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
			Vaginal Anti-infectives		
			<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	42	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate TABS	28	ACTHAR GEL	42	adefovir dipivoxil	29
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	60	ADEMPAS	32
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	58
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	60
ABRYSVO	60	acyclovir SUSP	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 60	
acamprosate calcium	56	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	60
acarbose	14	acyclovir topical CREA	37	AFLURIA SUSP	60
acebutolol hcl CAPS	30	acyclovir topical OINT	38	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	45
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	59	AIMOVIG	49
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	59	AIMSCO LUBRICATED MISC	47
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AKYNZEO	17
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		albendazole	7
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	2	albuterol sulfate AERS	9
acetazolamide CP12	41	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	2	albuterol sulfate NEBU	9
acetazolamide sodium	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	2	albuterol sulfate SYRP	9
acetazolamide TABS 125 MG	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albuterol sulfate TABS	9
acetazolamide TABS 250 MG	41	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		alclometasone dipropionate CREA 38	
acetic acid (otic)	55	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	alclometasone dipropionate OINT .38	
acetic acid 0.25 %	45	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	ALDURAZYME	42
acetylcysteine SOLN	34	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	ALECENSA	25
acitretin 10 MG, 17.5 MG	37	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	41
acitretin 25 MG	37	adapalene CREA	35	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	41
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	adapalene GEL	35	alfuzosin hcl	45
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3			ALINIA SUSR	21
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3				
ACTEMRA SOSY	3				

aliskiren fumarate	20	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1		
allopurinol 100 MG, 300 MG	45	amiodarone hcl TABS	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1	
almotriptan malate 12.5 MG	50	amitriptyline hcl TABS	14	amphotericin b IV	17	
almotriptan malate 6.25 MG	50	amlodipine besylate TABS	31	ampicillin CAPS 500 MG	56	
ALOCRIL	55	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	31	ampicillin sodium IV 10 GM	56	
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate-benazepril hcl 19	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	anagrelide hcl	45
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-valsartan	19	anastrozole	24	
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7	
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amoxapine	14	ANNOVERA	33	
ALOMIDE	55	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	56	ANZEMET TABS 50 MG	16	
alose tron hcl	44	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	56	APIDRA SOLN	15	
alprazolam TABS	8	amoxicillin & pot clavulanate TABS	56	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15	
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate TB12	56	apomorphine hydrochloride SOCT	27	
alprazolam TBDP	8	amoxicillin CAPS	56	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17	
ALTABAX	35	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	56	aprepitant CAPS 80 MG	17	
ALVESCO	9	amoxicillin SUSR	56	aprepitant CAPS	17	
alvimopan	44	amoxicillin TABS	56	APTIVUS CAPS	28	
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	60	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	46	
amantadine hcl SOLN	27	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	46	
amantadine hcl TABS	27	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	46	
ambrisentan	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1	ARCALYST	3	
amcinonide CREA	38			AREXVY	60	
amcinonide OINT	38			arformoterol tartrate	9	
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			ARIKAYCE	2	

aripiprazole SOLN PO	28	ATROVENT HFA	9	49	
aripiprazole TABS	28	AUDENZ EMUL	60	BELSOMRA	47
armodafinil	1	AUDENZ PRSY	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	19
ARMOUR THYROID TABS	58	AURANOFIN 3 MG	3	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	AUSTEDO TABS	57	benazepril hcl	19
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	avanafil	31	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	35
ARZERRA	23	AVERI TABS PO	33	BENZEPRO FOAM 5.3 %	35
ascorbic acid SOLN IJ	63	AVONEX PEN AJKT	57	benzonatate 100 MG	34
asenapine maleate 2.5 MG	27	AVONEX PREFILLED PSKT	57	benzonatate 150 MG	34
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	27	azacitidine SUSR	23	benzonatate 200 MG	34
aspirin CHEW	5	AZATHIOPRINE SODIUM	51	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	35
aspirin TABS 325 MG	5	azathioprine TABS	51	benzoyl peroxide GEL 10 %	35
aspirin TBEC 325 MG	5	azelaic acid GEL	40	benzoyl peroxide GEL 5 %	35
aspirin TBEC 81 MG	5	azelastine hcl (ophth)	55	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	35
aspirin-dipyridamole	45	azelastine hcl	54	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	35
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	28	azithromycin PACK	47	benztropine mesylate TABS	26
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	28	azithromycin SUSR	47	bepotastine besilate	55
atenolol & chlorthalidone	19	azithromycin TABS 250 MG	47	betaine	42
atenolol TABS	30	azithromycin TABS 500 MG	47	betamethasone dipropionate (topical) CREA	38
ATGAM	51	azithromycin TABS 600 MG	47	betamethasone dipropionate (topical) LOTN	38
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	21	betamethasone dipropionate (topical) OINT	38
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	54	betamethasone dipropionate augmented CREA	38
atorvastatin calcium TABS	18	baclofen TABS	53	betamethasone dipropionate augmented LOTN	38
atovaquone	21	balsalazide disodium CAPS	44		
atovaquone-proguanil hcl	21	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) . 11			
atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	59	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) . 11			
		BAXDELA SOLR	43		
		BAXDELA TABS	43		
		BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN .			

betamethasone dipropionate augmented OINT38	bosentan TBSO 32 MG32	bupropion hcl (smoking deterrent) 57
betamethasone valerate CREA ...38	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)9	bupropion hcl TABS13
betamethasone valerate FOAM ...38	BREO ELLIPTA9	bupropion hcl TB1213
betamethasone valerate LOTN38	BREZTRI AEROSPHERE9	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG13
betamethasone valerate OINT38	brimonidine tartrate (topical)40	bupirone hcl8
BETASERON KIT57	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 54	busulfan SOLN22
betaxolol hcl (ophth) SOLN54	brimonidine tartrate-timolol maleate . 54	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG5
betaxolol hcl30	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML (brivaracetam)11	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG4
bethanechol chloride 25 MG60	bromfenac sodium (ophth)55	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG5
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG60	bromocriptine mesylate CAPS27	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG5
bexarotene (topical)37	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG6
bexarotene26	budesonide (inhalation) SUSP9	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG6
BEXSERO 0.5 ML60	budesonide (intrarectal)7	butalbital-aspirin-caffeine CAPS5
BEYFORTUS56	budesonide (nasal)54	butalbital-aspirin-caffeine w/cod6
bicalutamide24	budesonide CPEP34	butalbital-aspirin-caffeine CAPS5
BIJUVA43	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10	butalbital-aspirin-caffeine w/cod6
BIKTARVY28	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...41	butenafine hcl36
bimatoprost SOLN55	bumetanide TABS41	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML7
bisacodyl SUPP47	buprenorphine hcl SOLN7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .7
bisacodyl TBEC47	buprenorphine hcl SUBL7	CABENUVA28
bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7	cabergoline43
bisoprolol fumarate30	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7	CABOMETYX TABS25
bleomycin sulfate 15 UNIT24	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7	calcipotriene CREA37
BOOSTRIX SUSP59	buprenorphine PTWK7	calcipotriene OINT37
BOOSTRIX SUSY59		calcipotriene SOLN37
bortezomib SOLR IJ25		
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25		
bosentan TABS 125 MG32		
bosentan TABS 62.5 MG32		

calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	38	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	32
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	38	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftaroline fosamil 400 MG, 600 MG .	33
calcitonin (salmon) NA	41	carbidopa-levodopa TBDP	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitriol (topical)	37	carbidopa-levodopa-entacapone .	27	cefuroxime axetil TABS	32
calcitriol CAPS	42	carbinoxamine maleate SOLN	17	cefuroxime sodium IJ 750 MG	32
calcitriol SOLN IV	42	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	17	celecoxib	4
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	44	carisoprodol TABS	53	cephalexin CAPS	32
calcium acetate (phosphate binder) TABs	44	carmustine	22	cephalexin SUSR	32
calcium chloride (dihydrate) SOLN	50	carteolol hcl (ophth)	54	CERDELGA	45
calcium polycarbophil TABS	47	carvedilol	30	cetirizine hcl TABS	18
candesartan cilexetil	19	carvedilol phosphate	30	cevimeline hcl	52
candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	CAYA DPRH	47	CHEMET	16
capecitabine	23	CAYSTON	21	CHEMSTRIP K STRP	40
CAPRELSA	25	cefaclor CAPS	32	chloramphenicol sodium succinate	21
captopril 12.5 MG	19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	32	chlordiazepoxide hcl CAPS	8
captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefadroxil CAPS	32	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	59
CAPVAXIVE	60	cefadroxil SUSR	32	chlordiazepoxide-amitriptyline	57
carbamazepine CHEW	11	cefadroxil TABS	32	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	52
carbamazepine CP12 100 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	32	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22
carbamazepine CP12 200 MG	11	cefdinir CAPS	32	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22
carbamazepine CP12 300 MG	12	cefdinir SUSR	32	chlorpromazine hcl SOLN	28
carbamazepine SUSP	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33	chlorpromazine hcl TABS	28
carbamazepine TABS	12	cefixime CAPS	32	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	41
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefixime SUSR	32	chlorzoxazone TABS 500 MG	53
carbamazepine TB12 200 MG	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	32	chlorzoxazone TABS 750 MG	53
carbidopa	26	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	32	cholecalciferol CAPS	63
		cefpodoxime proxetil SUSR	32		
		cefpodoxime proxetil TABS	33		
		cefprozil SUSR	32		

cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	63	clarithromycin TABS	47	clobazam TABS	11
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TB24	47	clobetasol propionate CREA 0.05 % ..	38
cholestyramine light POWD	18	CLASSIC PRENATAL TABS	52	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	38
cholestyramine PACK	18	clemastine fumarate SYRP	17	clobetasol propionate FOAM	38
cholestyramine POWD	18	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	17	clobetasol propionate GEL 0.05 %	38
choline fenofibrate	18	CLIMARA PRO	43	clobetasol propionate OINT 0.05 %	38
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 42		clindamycin hcl	21	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	38
ciclopirox GEL	36	clindamycin palmitate hydrochloride .	21	clocortolone pivalate	38
ciclopirox olamine CREA	36	clindamycin phosphate (topical) FOAM	35	clofarabine	23
ciclopirox olamine SUSP	36	clindamycin phosphate (topical) GEL	35	clomipramine hcl	14
ciclopirox SHAM	36	clindamycin phosphate (topical) LOTN	35	clonazepam TABS	11
ciclopirox SOLN	36	clindamycin phosphate (topical) SOLN	35	clonidine hcl (adhd) TB12	1
cidofovir	29	clindamycin phosphate (topical) SWAB	35	clonidine hcl TABS	19
cilostazol	45	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine PTWK	19
CIMDUO	28	clindamycin phosphate vaginal CREA	62	clopidogrel bisulfate 300 MG	45
cimetidine TABS	59	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	35	clopidogrel bisulfate 75 MG	45
cinacalcet hcl	42	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	35	clorazepate dipotassium TABS	8
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	54	clindamycin phosphate-tretinoin ..	35	clotrimazole (topical) CREA	36
ciprofloxacin hcl (otic)	55	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .	54	clotrimazole (topical) SOLN	36
ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	43	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	54	clotrimazole	52
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	43	clobazam SUSP	11	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	63
ciprofloxacin-dexamethasone	55			clotrimazole w/ betamethasone CREA	36
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	55			clotrimazole w/ betamethasone LOTN	36
cisplatin SOLN 100 MG/100ML	22			clozapine TABS	27
citalopram hydrobromide SOLN ...	13			clozapine TBDP 100 MG	27
citalopram hydrobromide TABS ...	13			clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG	
clarithromycin SUSR	47				

27	SOAJ	37	dactinomycin	24	
clozapine TBDP 25 MG	27	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	37	dalfampridine	57
COARTEM	22	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	37	danazol CAPS	7
codeine sulfate TABS 30 MG	5	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	37	dantrolene sodium CAPS	53
CODEINE SULFATE TABS	5	CREON CPEP	41	dapagliflozin propanediol	16
colchicine TABS	45	CRESEMBA CAPS 186 MG	17	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14
colchicine w/ probenecid	45	cromolyn sodium (ophth)	55	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14
colesevelam hcl PACK	18	cromolyn sodium NEBU	9	dapsone	21
colesevelam hcl TABS	18	crotamiton LOTN	40	DAPTACEL	59
colestipol hcl GRAN	18	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	52	daptomycin 500 MG	21
colestipol hcl PACK	18	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	46	darifenacin hydrobromide	60
colestipol hcl TABS	18	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	53	darunavir TABS 600 MG	28
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	cyclophosphamide CAPS	22	darunavir TABS 800 MG	28
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	25	cyclophosphamide SOLR IJ	22	dasatinib	25
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	25	cycloserine	22	DAURISMO	24
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	25	cyclosporine (ophth) EMUL	55	decitabine	23
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	61	cyclosporine CAPS	51	deferasirox PACK	16
COMIRNATY SUSP	61	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	51	deferasirox TABS	16
COMIRNATY SUSY	61	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	51	deferasirox TBSO	16
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)	28	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	51	deflazacort TABS	34
CORDRAN TAPE	38	cyproheptadine hcl SYRP	18	DELSTRIGO	28
CORTISPORIN-TC	55	cyproheptadine hcl TABS	18	demeclocycline hcl TABS	58
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	37	CYTAGON CAPS	45	DEPO-ESTRADIOL	43
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	37	CYSTARAN	55	DEPO-MEDROL SUSP	34
COSENTYX SENSOREADY PEN	11	dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	34
				DESCOVY 200 MG-25 MG	28
				desipramine hcl TABS	14
				desloratadine TABS	18

desloratadine TBP 2.5 MG 18	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG 1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 47
desmopressin acetate SOLN IJ 43	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG 1	diflorasone diacetate CREA 38
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	diflorasone diacetate OINT 38
desmopressin acetate spray 42	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG 1	diflunisal TABS 5
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 % 42	DIACOMIT CAPS 12	difluprednate 55
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 43	DIACOMIT PACK 250 MG 12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML 31
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 43	DIACOMIT PACK 500 MG 12	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG 31
desogestrel & ethinyl estradiol 33	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 49
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) 33	diazepam CONC 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 49
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) 33	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML 8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 13
desonide CREA 38	diazepam TABS 8	DILANTIN 13
desonide LOTN 38	diazoxide 15	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 13
desonide OINT 38	diclofenac epolamine PTCH EX ... 36	DILANTIN SUSP (phenytoin) 13
desoximetasone CREA 0.25 % 38	diclofenac potassium TABS 50 MG . 4	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13
desoximetasone GEL 38	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX 37	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 31
desoximetasone OINT 0.25 % 38	diclofenac sodium (ophth) 55	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 31
desvenlafaxine succinate 14	diclofenac sodium (topical) GEL EX 37	diltiazem hcl CP12 31
dexamethasone ELIX 34	diclofenac sodium TB24 4	diltiazem hcl CP24 31
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 34	diclofenac sodium TBEC 4	diltiazem hcl extended release beads 31
dexamethasone sodium phosphate (ophth) 55	diclofenac w/ misoprostol TBEC 4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML . 31
dexamethasone SOLN 34	dicloxacillin sodium 56	DILTIAZEM HCL SOLR 31
dexamethasone TABS 34	dicyclomine hcl CAPS 59	diltiazem hcl TABS 31
dexlansoprazole 59	dicyclomine hcl SOLN PO 59	diltiazem hcl TB24 31
dexmethylphenidate hcl CP24 1	dicyclomine hcl TABS 59	dimethyl fumarate CDPK 57
dexmethylphenidate hcl TABS 1	DIFFERIN LOTN 35	

dimethyl fumarate CPDR	57	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	39
DIPENTUM	44	doxepin hcl (sleep)	46	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG		doxepin hcl CAPS	14	DEVI	47
18		doxepin hcl CONC	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
diphenhydramine hcl ELIX 12.5		doxercalciferol CAPS	42	MISC	47
MG/5ML	18	doxercalciferol SOLN	42	DUREX TROPICAL MISC	47
diphenhydramine hcl LIQD 12.5		doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG		dutasteride	45
MG/5ML	18	24	dutasteride-tamsulosin hcl	45
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxycycline (monohydrate) CAPS 50		econazole nitrate CREA	36
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	MG, 100 MG	58	EDARBI	19
dipyridamole	45	doxycycline (monohydrate) CAPS 75		EDURANT	28
disopyramide phosphate CAPS	8	MG	58	efavirenz CAPS 200 MG	28
disulfiram	56	doxycycline (monohydrate) TABS		efavirenz CAPS 50 MG	28
divalproex sodium TB24	13	100 MG	58	efavirenz TABS	28
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
docetaxel CONC 20 MG/ML	26	MG, 75 MG	58	disoproxil fumarate	28
docusate calcium	47	doxycycline hyclate CAPS	58	efavirenz-lamivudine-tenofovir	
docusate sodium CAPS 100 MG ..	47	doxycycline hyclate TABS 20 MG,		disoproxil fumarate	28
docusate sodium CAPS 250 MG ..	47	100 MG	58	ELAPRASE	42
dofetilide	8	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	electrolyte-148	50
donepezil hydrochloride TABS 10		dronabinol CAPS	17	electrolyte-a	50
MG	56	drospirenone-ethinyl estradiol	33	ELESTRIN GEL	43
donepezil hydrochloride TABS 5 MG,		drospirenone-ethinyl estradiol-		eletriptan hydrobromide	50
23 MG	56	levomefolate calcium	33	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24
donepezil hydrochloride TBDP 10		DROXIA CAPS	46	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45	
MG	56	DUAVEE	43	MG	24
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		DULERA	10	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK	
57		duloxetine hcl CPEP	14	TBPK	10
dorzolamide hcl	55	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML		ELIQUIS TABS	10
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	54	39		ELLA	33
DOVATO	28	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	39	ELMIRON CAPS	45
doxazosin mesylate	19	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML		eltrombopag olamine PACK 12.5	
		39			

MG, 25 MG	46	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	ergotamine w/ caffeine TABS	49
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	46	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	eribulin mesylate	26
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	49	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	61	ERIVEDGE	24
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	49	ENGERIX-B SUSY	61	ERLEADA 240 MG	24
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	49	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ERLEADA 60 MG	24
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	49	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	erlotinib hcl	23
EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ERTACZO	36
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 49		enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	ertapenem sodium IJ	21
EMGALITY SOAJ	49	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	erythromycin (acne aid) PADS	35
EMGALITY SOSY	49	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	erythromycin (acne aid) SOLN	35
EMSAM	13	entacapone	26	erythromycin (ophth)	54
emtricitabine CAPS	28	entecavir TABS	29	erythromycin base CPEP	47
emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	28	EPIDIOLEX	12	erythromycin base TABS	47
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	55	erythromycin base TBEC	47
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	28	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	63	erythromycin ethylsuccinate SUSR 47	
EMTRIVA SOLN	29	eplerenone	20	erythromycin ethylsuccinate TABS	47
EMVERM CHEW	7	epoprostenol sodium	31	escitalopram oxalate SOLN	13
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eptifibatide 200 MG/100ML	45	escitalopram oxalate TABS	13
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EQL PRENATAL FORMULA TABS 52		eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12
enalapril maleate TABS	19	EQUETRO	27	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	59
ENBREL MINI SOCT	4	ERBITUX	23	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	59
ENBREL SOLN	4	ergocalciferol CAPS	63	esomeprazole magnesium TBEC ..	59
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	63	estazolam	46
		ergoloid mesylates TABS	57	estradiol GEL	43
		ERGOMAR SUBL	49	estradiol PTTW	43
				estradiol PTWK	43
				estradiol TABS	43

estradiol vaginal CREA	63	ezetimibe-simvastatin	18	fentanyl citrate LPOP	5
estradiol vaginal TABS	63	famciclovir 125 MG, 250 MG	30	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
estradiol valerate	43	famciclovir 500 MG	30	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	46
estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	43	famotidine in nacl SOLN	59	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	46
eszopiclone	46	famotidine SUSR	59	ferrous sulfate TBEC 325 MG	46
ethacrynic acid	41	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	59	fesoterodine fumarate	60
ethambutol hcl TABS	22	FANAPT	27	FETZIMA CP24	14
ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK A	27	FETZIMA TITRATION C4PK	14
ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	47	fidaxomicin TABS 200 MG	47
ethynodiol diacet & eth estrad ...	33	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	47	finasteride	45
etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	fingolimod hcl	57
etodolac TABS	4	FASENRA PEN SOAJ	8	FIRMAGON (240 MG DOSE)	24
etonogestrel-ethinyl estradiol	33	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	8	FIRMAGON 80 MG	24
ETOPOPHOS	26	FASENRA SOSY 30 MG/ML	8	flavoxate hcl	60
etoposide CAPS	26	FC2 FEMALE CONDOM	48	flecainide acetate	8
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	26	febuxostat	45	floxuridine	23
etravirine 100 MG	29	felbamate SUSP	12	FLUAD	61
etravirine 200 MG	29	felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT	61
EUCRISA	40	felbamate TABS 600 MG	12	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	61
EVAMIST SOLN	43	felodipine	31	FLUARIX SUSY	61
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	51	FEMCAP DEVI	48	FLUBLOK QUADRIVALENT	61
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	51	FEMLYV TBDP	33	FLUBLOK SOSY	61
everolimus TABS	25	FEMRING	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	61
EVEXITHROID TABS 180 MG	58	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	18	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	61
EVOTAZ	29	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	18	FLUCELVAX SUSP	61
exemestane	24	fenoprofen calcium TABS	4	FLUCELVAX SUSY	61
ezetimibe	19	FENSOLVI (6 MONTH) SC	42		

fluconazole SUSR	17	fluoxetine hcl CAPS	13	fluvoxamine maleate TABS	13
fluconazole TABS	17	fluoxetine hcl CPDR	13	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	61
flucytosine	17	fluoxetine hcl SOLN	13	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	61
fludarabine phosphate SOLN	23	fluoxetine hcl TABS	13	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 61	
fludarabine phosphate SOLR	23	fluphenazine hcl CONC	28	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 61	
fludrocortisone acetate TABS	34	fluphenazine hcl ELIX	28	FLUZONE SUSP	61
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 61		fluphenazine hcl SOLN	28	FLUZONE SUSY	61
FLULAVAL SUSY	61	fluphenazine hcl TABS	28	FML FORTE SUSP	55
FLUMIST	61	flurandrenolide CREA	39	folic acid TABS	46
FLUMIST QUADRIVALENT	61	flurandrenolide LOTN	39	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	
flunisolide (nasal)	54	flurazepam hcl	46	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	
fluocinolone acetonide (otic)	56	flurbiprofen sodium	55	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 39		flurbiprofen TABS	4	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	39	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	40
fluocinolone acetonide OIL	39	fluticasone furoate-vilanterol	10	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	40
fluocinolone acetonide OINT	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	formoterol fumarate NEBU	10
fluocinolone acetonide SOLN	39	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 54		FOSAMAX PLUS D	41
fluocinonide CREA	39	fluticasone propionate CREA 0.05 % 39		fosamprenavir calcium TABS	29
fluocinonide emulsified base	39	fluticasone propionate hfa	9	fosfomycin tromethamine	21
fluocinonide GEL	39	fluticasone propionate LOTN	39	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluocinonide OINT	39	fluticasone propionate OINT	39	fosinopril sodium	19
fluocinonide SOLN	39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	fosphenytoin sodium	13
FLUORIDEX DAILY RENEWAL CONC 0.63 %	52	fluticasone-salmeterol AERO	10	FRAGMIN SOSY	11
fluorometholone (ophth) SUSP	55	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	18	FREESTYLE LIBRE 14 DAY	
fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	37	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	18		
fluorouracil (topical) SOLN	37				
fluorouracil 500 MG/10ML	23				

READER	49	gefitinib	24	6 MG	16
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	49	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide TABS	16
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	49	gemfibrozil TABS	18	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	14
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	49	GENOTROPIN CART SC	42	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	14
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	49	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	42	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	45
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	49	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML	59
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	49	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	54	glycopyrrolate TABS 1 MG	59
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	49	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	35	glycopyrrolate TABS 2 MG	59
FREESTYLE LIBRE READER	49	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	36	GLYXAMBI	14
frovatriptan succinate	50	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2	GNP PRENATAL TABS	52
FT PRENATAL TABS	52	GENVOYA	29	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	52
FULPHILA	46	GILOTRIF	24	GOHIBIC	45
fulvestrant SOSY	24	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 57		GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	40
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	41	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 57		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	16
furosemide TABS	41	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..	22	granisetron hcl TABS	16
FUZEON SOLR	29	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)	22	GRASTEK SUBL	2
gabapentin CAPS	12	glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin microsize SUSP	17
gabapentin SOLN	12	glimepiride 4 MG	16	griseofulvin microsize TABS	17
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	17
galantamine hydrobromide CP24 ..	57	glipizide TB24	16	guanfacine hcl (adhd)	1
galantamine hydrobromide SOLN ..	57	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	14	guanfacine hcl	19
galantamine hydrobromide TABS ..	57	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	14	GYNAZOLE-1	63
ganciclovir sodium SOLR	29	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	40	HAEGARDA SOLR SC	45
ganirelix acetate	42	glucagon SOLR IJ 1 MG	15	halcinonide CREA	39
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	61	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,		halobetasol propionate CREA	39
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	62			halobetasol propionate OINT	39
gatifloxacin (ophth)	54			HALOG OINT	39

haloperidol decanoate	27	(CONCENTRATED) SOLN SC	15	39
haloperidol lactate CONC	27	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN	15	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %
haloperidol lactate SOLN	27	SC	15	39
haloperidol TABS	27	HYCANTIN CAPS	26	hydrocortisone acetate (rectal)
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	62	hydralazine hcl SOLN	20	7
HEMANGEOL SOLN PO	30	hydralazine hcl TABS	20	hydrocortisone butyrate CREA
HEMATINIC/FOLIC ACID	46	hydrochlorothiazide CAPS	41	39
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	11	hydrochlorothiazide TABS	41	hydrocortisone butyrate OINT
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone bitartrate CP12	5	39
HEPLISAV-B SOSY	62	hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone butyrate SOLN
HIBERIX SOLR IJ	60	hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	34	39
HUMATROPE CART IJ	42	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone sod succinate 100 MG
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	34
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydrocortisone TABS
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	34
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydrocortisone vaginal
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	6	63
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydrocortisone valerate CREA
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6	39
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7	hydrocortisone valerate OINT
HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7	39
HUMULIN R U-500		hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	39	hydrocortisone w/acetic acid
		hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %		56
				hydromorphone hcl LIQD
				5
				hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML
				5
				hydromorphone hcl TABS
				5
				hydromorphone hcl TB24 32 MG
				5
				hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG
				5
				hydroxychloroquine sulfate 100 MG
				22
				hydroxychloroquine sulfate 200 MG
				22
				hydroxychloroquine sulfate 400 MG
				22
				hydroxyurea
				26
				hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML
				8
				hydroxyzine hcl SYRP
				8
				hydroxyzine hcl TABS
				8
				hydroxyzine pamoate CAPS
				8

HYPERSAL NEBU	34	INFANRIX	59	isoniazid SOLN	22
HYQVIA	56	INFLECTRA SOLR	44	isoniazid SYRP	22
ibandronate sodium SOLN	41	INLYTA	23	isoniazid TABS	22
ibandronate sodium TABS	41	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
IBRANCE CAPS	25	15		MG, 20 MG, 30 MG	8
IBRANCE TABS	25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200		15		31	
MG/10ML	4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL)		isosorbide mononitrate TABS	8
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG,		SOPN	15	isosorbide mononitrate TB24	8
800 MG	4	INSULIN LISPRO JUNIOR		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
icatibant acetate SOSY	45	KWIKPEN SOPN	15	40 MG	35
ICLUSIG	25	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO		isradipine CAPS	31
icosapent ethyl 1 GM	18	SUPN	15	itraconazole CAPS	17
idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	INSULIN LISPRO SOLN IJ	15	itraconazole SOLN	17
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10		INTELENCE 25 MG	29	ivabradine hcl TABS	32
MG/10ML	25	IONOSOL-MB IN D5W	50	ivermectin (pediculicide)	40
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	22	IPOL IJ	62	ivermectin	7
ifosfamide SOLR	23	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %		IXEMPRA KIT 15 MG	26
imatinib mesylate TABS	25	54		JAKAFI	25
imipramine hcl TABS	14	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %		JANUMET TABS	14
imipramine pamoate	14	54		JANUMET XR TB24 1000 MG-100	
imiquimod 5 %	40	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	MG	14
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT		ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	
4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	50	irbesartan	19	MG, 500 MG-50 MG	14
IMITREX STATDOSE SYSTEM		irbesartan-hydrochlorothiazide ...	20	JANUVIA	15
SOAJ 4 MG/0.5ML	50	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100		JARDIANCE	16
INCRELEX	42	MG/5ML	26	JULUCA	29
INCRUSE ELLIPTA	9	irrigation solutions, physiological .	52	JYNNEOS	62
indapamide TABS 1.25 MG	41	ISENTRESS CHEW	29	KALETRA SOLN	29
indapamide TABS 2.5 MG	41	ISENTRESS HD TABS	29	KALYDECO TABS	58
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	ISENTRESS TABS	29	KAMELEON LUBRICATED MISC .	48
indomethacin CPCR	4	ISOLYTE-P IN D5W	50	KANJINTI	23
		ISOLYTE-S	50		

KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	50	KISQALI (600 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 25 MG	12
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	51	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	25	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketoconazole (topical) CREA	36	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	25	lamotrigine TABS	12
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	.36	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	25	lamotrigine TBDP	12
ketoconazole	17	KLOXXADO LIQD	16	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	31
KETONE TEST STRP	40	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
ketoprofen CAPS 50 MG	4	TABS	52	MCG, 250 MCG (digoxin)	31
ketorolac tromethamine (ophth) ...	55	KRINTAFEL	22	lansoprazole CPDR 15 MG	59
ketorolac tromethamine TABS	4	KYPROLIS	25	lansoprazole CPDR 30 MG	59
KETOSTIX STRP	40	labetalol hcl SOLN	30	lanthanum carbonate CHEW	44
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	55	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	30	lapatinib ditosylate	25
KEVZARA SOAJ	3	30		LASTACAFT	55
KEVZARA SOSY	3	labetalol hcl TABS 300 MG	30	latanoprost SOLN	55
KIMONO COLORS DEVI	48	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50		leflunomide	4
KIMONO MAXX-LARGE FLARE		MG/5ML, 100 MG/10ML	12	LEMTRADA	57
MISC	48	lacosamide TABS	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	48	lactated ringer's (irrigation)	52	15 MG, 25 MG	51
48		lactic acid (ammonium lactate) CREA		lenalidomide 20 MG	51
KIMONO MISC	48	39	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO PLUS MISC	48	lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO PS MISC	48	12 %	39	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO PS PLUS MISC	48	lactulose (encephalopathy)	44	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO SENSATION MISC	48	lactulose SOLN	47	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO SENSATION PLUS MISC	48	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG		LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	23
48		(lamotrigine)	12	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	23
KIMONO SPECIAL DEVI	48	lamivudine (hbv) TABS	29	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	23
KINRIX SUSY	59	lamivudine SOLN	29	letrozole	24
KISQALI (200 MG DOSE)	25	lamivudine TABS 150 MG	29	leucovorin calcium SOLR	26
KISQALI (400 MG DOSE)	25	lamivudine TABS 300 MG	29	leucovorin calcium TABS	26
		lamivudine-zidovudine	29	LEUKERAN	23
				LEUKINE SOLR IJ	46

leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML24	levorphanol tartrate TABS 2 MG5	loperamide hcl CAPS 16
levabuterol hcl 10	levothyroxine sodium TABS 58	lopinavir-ritonavir SOLN 29
levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML10	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...52	lopinavir-ritonavir TABS29
levabuterol tartrate10	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...52	LOQTORZI23
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine hcl GEL 2 % 40	loratadine CAPS 18
levetiracetam TABS 1000 MG 12	lidocaine hcl PRSY40	loratadine CHEW18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	lidocaine hcl SOLN40	loratadine SOLN 18
levetiracetam TABS 500 MG 12	lidocaine PTCH 5 %40	loratadine TABS18
levetiracetam TB24 12	lidocaine-prilocaine CREA40	loratadine TBDP 18
levobunolol hcl 0.5 % 54	lincomycin hcl 21	lorazepam CONC 8
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	linezolid SUSR21	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8
levocetirizine dihydrochloride TABS 18	linezolid TABS 21	lorazepam TABS 1 MG8
levofloxacin (ophth) 0.5 % 54	LINZESS 44	LORBRENA25
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 43	liothyronine sodium SOLN 58	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG 20
levofloxacin SOLN PO43	liothyronine sodium TABS 58	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20
levofloxacin TABS43	liraglutide 15	losartan potassium 19
levonorgestrel & eth estradiol TABS 33	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	LOTEMAX OINT55
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 34	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	loteprednol etabonate GEL55
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)33	lisinopril & hydrochlorothiazide ...20	loteprednol etabonate SUSP 55
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 33	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 19	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 18
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)33	lithium27	lovastatin TABS 40 MG 18
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 33	lithium carbonate CAPS 27	loxapine succinate 27
	lithium carbonate TABS27	lubiprostone 44
	lithium carbonate TBCR 27	luliconazole36
	LO LOESTRIN FE TABS 33	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG 25
	lofedidine hcl56	LUMAKRAS 320 MG 25
	LOKELMA 52	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM24
	lomustine 10 MG23	
	lomustine 40 MG, 100 MG23	

LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	24	megestrol acetate (appetite)	56	metformin hcl TB24 750 MG	15
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	megestrol acetate SUSP	24	methadone hcl CONC	5
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	megestrol acetate TABS	24	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	5
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	27	MEKINIST TABS 0.5 MG	25	methadone hcl TABS 10 MG	5
lurasidone hcl 80 MG	27	MEKINIST TABS 2 MG	25	methadone hcl TABS 5 MG	5
LYNPARZA TABS	25	meloxicam TABS	4	methadone hcl TBSO	5
LYSODREN	24	melphalan	23	methamphetamine hcl	1
mafenide acetate PACK	38	melphalan hcl IV	23	methazolamide TABS	41
malathion	40	memantine hcl TABS	57	methenamine hippurate	21
maraviroc TABS 150 MG	29	MENEST 2.5 MG	43	methimazole TABS	58
maraviroc TABS 300 MG	29	MENOSTAR PTWK	43	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	53
MARPLAN	13	MENQUADFI 0.5 ML	60	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	23
MASONATAL TABS	52	MENVEO SOLR	60	methotrexate sodium SOLR	23
MATRONEX TABS	52	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	
MATULANE	26	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5	methoxsalen rapid	37
MAXIDEX SUSP OP	55	meperidine hcl TABS 50 MG	5	methscopolamine bromide	59
MAXX MISC	48	meprobamate	8	methsuximide	13
MAXX PLUS MISC	48	mercaptopurine TABS	23	methyldopa TABS	19
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17		mesalamine CP24	44	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .	1
meclofenamate sodium CAPS	4	mesalamine CPDR	44	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	1
MEDROL TABS	34	mesalamine ENEM	44	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	1
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	34	mesalamine SUPP	44	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG	1
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	34	mesalamine TBEC 1.2 GM	44	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	56	mesalamine TBEC 800 MG	44	methylphenidate hcl CP24	1
mefenamic acid CAPS	4	metaxalone 800 MG	53	methylphenidate hcl CP24	2
mefloquine hcl	22	metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CPCR	2
		metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl SOLN	2
		metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2
		metformin hcl TB24 500 MG	15		

methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 30	MODERNA COVID-19 BIVALENT 62
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) CREA 40	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP 62
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 40	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY 62
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 40	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 62
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 40	
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 20	moexipril hcl 19
methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal 63	mometasone furoate (nasal) SUSP 54
methylprednisolone acetate SUSP 34	mexiletine hcl 8	mometasone furoate CREA 39
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 34	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 63	mometasone furoate OINT 39
methylprednisolone TABS 34	midodrine hcl 63	mometasone furoate SOLN 39
methylprednisolone TBPK 34	miglitol 14	montelukast sodium CHEW 9
methyltestosterone TABS 7	miglustat 46	montelukast sodium PACK 9
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 44	minocycline hcl CAPS 58	montelukast sodium TABS 9
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 44	minocycline hcl TABS 58	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5
metoclopramide hcl TABS 44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 20	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML 6
metolazone 41	mirabegron TB24 60	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML 5
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	MIRCERA 46	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML 6
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG 20	mirtazapine TABS 13	morphine sulfate TABS 6
metoprolol succinate TB24 200 MG 30	mirtazapine TBDP 13	morphine sulfate TBCR 6
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 30	misoprostol 59	MOTOFEN 16
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML 30	mitomycin SOLR IV 20 MG 25	MOVANTIK 44
	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 25	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 54
	M-M-R II SOLR 62	moxifloxacin hcl in sodium chloride 43
	M-NATAL PLUS TABS 52	moxifloxacin hcl TABS 43
	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 62	
	modafinil 100 MG 2	
	modafinil 200 MG 2	

MRESVIA	62	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 30	NEXTSTELLIS	33
MULTI PRENATAL TABS	52	nebivolol hcl 20 MG	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
mupirocin calcium (topical)	36	NEBUSAL NEBU	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	63
mupirocin OINT	36	nefazodone hcl	NIACIN ER TBCR	63
MVASI	23	nelarabine	niacin TABS	63
MYALEPT	42	neomycin sulfate TABS	niacin TBCR	63
mycophenolate mofetil CAPS	51	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	niacinamide TABS	63
mycophenolate mofetil TABS	51	54	nicardipine hcl CAPS	31
mycophenolate sodium	52	neomycin-polymy-dexameth OINT	nicardipine hcl SOLN	31
MYLERAN TABS	23	55	NICOTINE KIT	58
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	nicotine polacrilex GUM	57
nadolol TABS 20 MG	30	0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %	nicotine polacrilex LOZG	57
nadolol TABS 40 MG	30	55	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	58
nadolol TABS 80 MG	30	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ..	NICOTROL INHA	58
nafticillin sodium IV 10 GM	56	55	NICOTROL NS SOLN	58
naftifine hcl CREA 1 %	36	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	nifedipine CAPS 10 MG	31
naftifine hcl CREA 2 %	36	55	nifedipine CAPS 20 MG	31
naloxone hcl LIQD	16	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	nifedipine TB24 60 MG	31
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	16	55	nifedipine TB24 90 MG	31
naltrexone hcl	16	NEONATAL COMPLETE TABS 120	nifedipine TB24	31
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	nilutamide	24
naproxen SUSP	4	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	nimodipine CAPS	31
naproxen TABS	4	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	NIPENT	26
naproxen TBEC 500 MG	4	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	nisoldipine	31
naratriptan hcl	50	53	nitazoxanide TABS	21
NATACYN	54	NEONATAL PLUS TABS	nitisinone CAPS	42
NATAZIA	33	53	NITRO-BID OINT	8
nateglinide	16	NEONATAL PRENATAL TABS ...	nitrofurantoin	21
NAYZILAM	11	53	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21
		NEONATAL VITAMIN TABS		
		53		
		neostigmine methylsulfate SOSY .		
		22		
		NEO-SYNALAR		
		36		
		NEUPRO		
		27		
		NEVANAC		
		55		
		nevirapine SUSP		
		29		
		nevirapine TABS		
		29		
		nevirapine TB24 400 MG		
		29		
		NEXIUM 24HR TBEC 20 MG		
		59		

nitrofurantoin monohyd macro	21	norgestimate-ethinyl estradiol	33	nystatin (mouth-throat)	52
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	33	nystatin (topical) CREA	36
nitroglycerin CPCR	8	NORMOSOL-M IN D5W	51	nystatin (topical) OINT	36
nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-R PH 7.4	51	nystatin (topical) POWD EX	36
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin TABS	17
nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin-triamcinolone CREA	36
NIVA-PLUS TABS	53	NORVIR CAPS	29	nystatin-triamcinolone OINT	36
nizatidine CAPS	59	NORVIR PACK	29	NYVEPRIA	46
NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML	42	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 40		octreotide acetate SOLN	43
NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	42	NOVAREL IM 10000 UNIT	42	ODEFSEY	29
norelgestromin-ethinyl estradiol	33	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	62	ODOMZO	24
norethin acet & estrad-fe CAPS	33	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	62	OFEV	58
norethin acet & estrad-fe CHEW	33	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	15	ofloxacin (ophth)	54
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	33	NOVOLIN 70/30 SUSP	15	ofloxacin (otic)	55
norethindrone & eth estradiol	33	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	15	ofloxacin 300 MG, 400 MG	43
norethindrone & ethinyl estradiol-fe	33	NOVOLIN N SUSP	15	OGIVRI	23
norethindrone (contraceptive)	34	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16	olanzapine SOLR	28
norethindrone acet & eth estra TABS	33	NOVOLIN R SOLN IJ	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	28
norethindrone acetate TABS	56	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28
norethindrone acetate-ethinyl estradiol	43	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	16	olanzapine TBDP 20 MG	28
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	33	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	33	NOVOLOG PENFILL SOCT	16	olmesartan medoxomil	19
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	33	NOVOLOG SOLN IJ	16	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20
		NP THYROID TABS	58	olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20
		NUEDEXTA	57	olopatadine hcl (nasal)	54
		NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	62	olopatadine hcl 0.1 %	55
				olopatadine hcl 0.2 %	55

omega-3-acid ethyl esters	18	OSPHENA	42	SOPN	15
omeprazole CPDR	59	OTEZLA TABS	4	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15
omeprazole magnesium CPDR	59	OTEZLA TBPK	4	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	15
omeprazole TBEC	59	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	26
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	60	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4	paclitaxel protein-bound particles	26
OMNIFLEX DIAPHRAGM	48	oxacillin sodium IV 10 GM	56	paliperidone	27
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML 17		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	palonosetron hcl SOLN	17
ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	oxaprozin TABS	4	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	42
ondansetron hcl SOSY	17	oxazepam CAPS	8	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 42	
ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12	PANRETIN	37
ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 59	
ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 59	
ondansetron TBDP 4 MG	17	oxiconazole nitrate CREA	36	paricalcitol CAPS	42
ondansetron TBDP 8 MG	17	OXISTAT LOTN	36	paricalcitol SOLN	42
ONE VITE WOMENS PLUS TABS 53		oxybutynin chloride SOLN	60	paroxetine hcl SUSP	13
ONE VITE WOMENS TABS	53	oxybutynin chloride TABS 5 MG	60	paroxetine hcl TABS	13
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	49	oxybutynin chloride TB24	60	paroxetine hcl TB24	13
OPILL	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6	pazopanib hcl	25
ORENITRAM TBCR	31	oxycodone hcl TABS	6	PEDIARIX SUSY	59
ORGOVYX	24	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	pediatric multivitamins w/fl CHEW	52
ORLISSA	42	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	PEDVAX HIB SUSP	60
ORKAMBI PACK	58	oxymorphone hcl TABS	6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	47
ORKAMBI TABS	58	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfat SOLR 236 GM	47
ORLADEYO	45	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6	peg 3350-potassium chloride-sod	
orphenadrine citrate TB12	53	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE)			
oseltamivir phosphate CAPS	30				
oseltamivir phosphate SUSR	30				

bicarbonate-sod chloride	47	perphenazine TABS	28	pimecrolimus	40
PEGASYS SOLN	30	perphenazine-amitriptyline	57	pimozide	57
PEGASYS SOSY	30	PERSERIS PRSY	27	pindolol TABS	30
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23		PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT 62		pioglitazone hcl	16
PENBRAYA	60	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	62	pioglitazone hcl-glimepiride	14
penciclovir	38	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	62	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS	14
penicillamine CAPS	51	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP	62	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	25
penicillamine TABS	51	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	62	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	25
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	56	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	45	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	25
penicillin g potassium 5000000 UNIT 56		phendimetrazine tartrate TABS	1	pirfenidone CAPS	58
penicillin g sodium	56	phenelzine sulfate	13	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	58
penicillin v potassium SOLR	56	phenobarbital ELIX	46	pirfenidone TABS 534 MG	58
penicillin v potassium TABS	56	phenobarbital TABS	46	piroxicam CAPS	4
PENMENVY SUSR IM	60	phenoxybenzamine hcl	19	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	51
PENTACEL	59	phentermine hcl CAPS	1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	51
pentamidine isethionate IN	20	phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOAJ	57
pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOSY SC	57
pentoxifylline	45	phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	57
perampanel TABS 2 MG	11	phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	57
perampanel TABS 4 MG	11	PHEXX	63	PNEUMOVAX 23 SOLN	60
perampanel TABS 6 MG	11	PHEXXI	63	PNEUMOVAX 23 SOSY	60
perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	PHOTOFRIN	26	podofilox SOLN	40
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	19	PIFELTRO	29	polymyxin b-trimethoprim	54
perindopril erbumine 4 MG	19	pilocarpine hcl (oral)	52	pomalidomide 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG	24
PERIOMED CONC 0.63 %	52	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %	54	POMALYST	24
permethrin CREA	40				
permethrin LIQD EX	40				

posaconazole SUSP	17	1.5 MG	27	(estrogens, conjugated)	43
posaconazole TBEC	17	prasugrel hcl	45	PREMPHASE	43
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 51		pravastatin sodium	19	PREMPRO	43
potassium bicarbonate TBEF	51	praziquantel	7	PRENATAL ONE DAILY TABS ...	53
potassium chloride CPCR	51	prazosin hcl CAPS	19	PRENATAL PLUS TABS	53
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	51	PRECISION XTRA KETONE	40	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	53
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	51	PRED MILD	55	PRENATAL TABS	53
potassium chloride microencapsulated crystals er	51	prednisolone acetate (ophth)	55	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	53
potassium chloride PACK PO 20 MEQ	51	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	55	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	53
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 51		prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	34	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	53
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	51	prednisolone sodium phosphate TBDP	34	PRENATRIX TABS	53
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	51	prednisolone SOLN	34	PRENATRYL TABS	53
potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 44		prednisolone TABS	34	PREVNAR 13	60
potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	51	prednisone SOLN	34	PREVNAR 20	60
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	35	prednisone TABS	34	PREZCOBIX	29
pralatrexate 20 MG/ML	23	prednisone TBPK	34	PREZISTA SUSP	29
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	57	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG,		pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	57	PRIFTIN	22
		pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		primaquine phosphate TABS	22
		pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	primidone 50 MG, 250 MG	12
		pregabalin SOLN	12	PRIORIX SUSR	62
		PREHEVBRIO	62	probenecid	45
		PREMARIN	63		
		PREMARIN SOLR	43		
		PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG			

procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	pyridostigmine bromide TABS 60 MG22	ranolazine TB12 1000 MG 8
prochlorperazine 28	pyridostigmine bromide TBCR22	ranolazine TB12 500 MG 8
prochlorperazine maleate TABS ...28	pyrimethamine22	rasagiline mesylate27
progesterone CAPS56	PYZCHIVA 130 MG/26ML44	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 48
PROGRAF PACK52	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML37	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI48
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)52	PYZCHIVA 90 MG/ML37	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 48
PROLASTIN-C SOLN58	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML37	REBIF REBIDOSE SOAJ57
PROLASTIN-C SOLR58	QC PRENATAL TABS53	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ57
PROLEUKIN26	QUADRACEL SUSP59	REBIF SOSY57
PROLIA SOSY42	QUADRACEL SUSY59	REBIF TITRATION PACK SOSY ..57
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG28	RECOMBIVAX HB SUSP62
promethazine hcl SUPP 50 MG ... 18	quetiapine fumarate TB24 28	RECOMBIVAX HB SUSY62
promethazine hcl TABS18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG19	RELENZA DISKHALER30
propafenone hcl CP12 8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG 19	RELEVIA TABS53
propafenone hcl TABS8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG20	RELION KETONE TEST STRP ... 40
proparacaine hcl55	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG20	RELION LANCET DEVICES 30G .49
propranolol hcl CP2430	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG20	RELION LANCETS49
propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML31	quinidine sulfate TABS8	RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP40
propranolol hcl TABS31	quinine sulfate CAPS 324 MG22	RENFLIXIS44
propylthiouracil58	QVAR REDIHALER9	repaglinide 0.5 MG, 1 MG 16
PROQUAD SUSR62	rabeprazole sodium TBEC59	repaglinide 2 MG16
protriptyline hcl14	raloxifene hcl42	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT19
prucalopride succinate43	ramelteon47	REPATHA SOSY19
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..9	ramipril CAPS19	REPATHA SURECLICK SOAJ 19
PULMOZYME58	ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG59	RETACRIT46
pyrazinamide22		RETROVIR SOLN29
pyridostigmine bromide SOLN PO 22		

REXULTI	28	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	50	selegiline hcl CAPS	27
REZVOGLAR KWIKPEN	16	roflumilast	9	selegiline hcl TABS	27
ribavirin (hepatitis c) CAPS	30	romidepsin SOLR	25	selenium sulfide LOTN 2.5 %	37
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30		ropinirole hydrochloride TABS	27	SELZENTRY SOLN	29
RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	27	SEREVENT DISKUS	10
rifabutin	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	27	sertraline hcl CONC	13
rifampin CAPS	22	rosuvastatin calcium TABS	19	sertraline hcl TABS	13
rifampin SOLR	22	ROTARIX SUSP	62	sevelamer carbonate PACK	44
riluzole TABS	54	ROTATEQ SOLN	62	sevelamer carbonate TABS	44
rimantadine hydrochloride TABS ..	30	ROZLYTREK CAPS	25	SHINGRIX	62
ringer's	51	RUBRACA	25	SHINGRIX IM 50 MCG/0.5ML	62
ringer's irrigation	52	rufinamide SUSP	12	SIGNIFOR	43
RINVOQ LQ SOLN	2	rufinamide TABS 200 MG	12	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	32
RINVOQ TB24	2	rufinamide TABS 400 MG	12	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	32
risedronate sodium TABS 150 MG	42	RUXIENCE	23	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	32
risedronate sodium TABS 35 MG ..	42	RYBELSUS TABS	15	sildenafil citrate	31
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	42	sacubitril-valsartan TABS	31	silodosin	45
risedronate sodium TBEC	42	salsalate	5	silver sulfadiazine	38
risperidone microspheres	27	SANTYL OINT	40	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3
risperidone SOLN	27	SAVELLA TABS	57	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3
risperidone TABS	27	SAVELLA TITRATION PACK MISC 57		SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3
risperidone TBDP	27	saxagliptin hcl	15	SIMPONI ARIA SOLN	3
ritonavir TABS	29	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	14	SIMULECT	52
rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	14	simvastatin TABS	19
rivaroxaban TABS 2.5 MG	10	scopolamine	17	sirolimus TABS	52
rivastigmine tartrate CAPS	57	SELECT INSULIN SYRINGES ...	49	SIRTURO	22
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	50	SELECT LANCETS	49	SKYRIZI PEN SOAJ	37
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	50			SKYRIZI SOCT	44
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	50				

SKYRIZI SOLN	44	sotalol hcl TABS 240 MG	31	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	54
SKYRIZI SOSY	37	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		sulfacetamide sodium w/ sulfur	
SLYND	34	160 MG	31	CREA 10 %-5 %	35
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	53	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25		sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium		MCG/0.25ML	62	10 %-5 %	35
acetate)	50	SPIKEVAX SUSP	62	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
sodium acetate SOLN	50	SPIKEVAX SUSY	62	9 %-4.5 %	35
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	45	spinosad	40	sulfadiazine TABS	58
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %		SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	
.....	34	spironolactone & hydrochlorothiazide		21
sodium citrate & citric acid	44	41	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	
sodium fluoride CHEW	51	spironolactone TABS	41	21
sodium phenylbutyrate POWD	42	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	
sodium phenylbutyrate TABS	42	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13	21
sodium polystyrene sulfonate POWD		stannous fluoride CONC	52	SULFAMILYLON CREA	38
52		STELARA 130 MG/26ML	44	sulfasalazine TABS	44
sodium polystyrene sulfonate SUSP		STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	37	sulfasalazine TBEC	44
CO 15 GM/60ML	52	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	37	sulindac TABS	4
sodium sulfate-potassium sulfate-		STELARA SOSY 90 MG/ML	37	sumatriptan	50
magnesium sulfate	47	STEQEYMA	44	sumatriptan succinate SOAJ	50
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS		STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOCT	50
.....	30	STIVARGA	25	sumatriptan succinate SOLN 6	
solifenacin succinate TABS	60	streptomycin sulfate SOLR	2	MG/0.5ML	50
SOLIQUA	14	STRIBILD	29	sumatriptan succinate TABS	50
SOLU-CORTEF 250 MG	34	STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan-naproxen sodium	49
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG		SUBLOCADE SOSY	7	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50	
34		sucralfate SUSP	59	MG	25
SOLU-MEDROL 2 GM	34	sucralfate TABS	59	sunitinib malate 37.5 MG	25
sorafenib tosylate	25	sulconazole nitrate CREA	36	SUNOSI 150 MG	1
SORBITOL 3 %	45	sulconazole nitrate SOLN	36	SUNOSI 75 MG	1
SORBITOL-MANNITOL 2.7		sulfacetamide sodium (acne)	35	SYMTUZA	29
GM/100ML-0.54 GM/100ML	45			SYNAREL	42
sotalol hcl (afib/af)	31				

SYNJARDY TABS	15	TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	12	theophylline TB12	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10		telmisartan	19	theophylline TB24	10
MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5		telmisartan-amlodipine	20	THERANATAL CORE NUTRITION	
MG	14	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	20	TABS	53
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25		temazepam	46	thioridazine hcl	28
MG	15	TEMODAR SOLR	23	thiotepa 15 MG	23
SYNTHROID TABS (levothyroxine		temozolomide CAPS	23	thiothixene	28
sodium)	58	temsirolimus	26	THYMOGLOBULIN	52
TABLOID	23	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	59	THYROGEN 0.9 MG	40
tacrolimus (topical) OINT	40	tenofovir disoproxil fumarate TABS	29	tiagabine hcl	12
tacrolimus CAPS	52	terazosin hcl	19	ticagrelor 60 MG, 90 MG	45
tacrolimus SOLN 5 MG/ML	52	terbinafine hcl TABS	17	timolol maleate (ophth) SOLG	54
tadalafil (pulmonary hypertension)		terbutaline sulfate SOLN	10	timolol maleate (ophth) SOLN	54
TABS	32	terbutaline sulfate TABS	10	timolol maleate TABS	31
tadalafil 5 MG	31	terconazole vaginal CREA	63	tinidazole	20
TAFINLAR CAPS	26	terconazole vaginal SUPP	63	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9
tafluprost	55	teriflunomide	57	TIVICAY PD TBSO	29
TAGRISSO 40 MG	24	teriparatide SOPN	42	TIVICAY TABS 50 MG	29
TAGRISSO 80 MG	24	TESTOSTERONE CYPIONATE		tizanidine hcl CAPS	53
TAKHZYRO SOLN	45	SOLN IJ 200 MG/ML	7	tizanidine hcl TABS	53
TAKHZYRO SOSY	45	testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tobramycin (ophth) SOLN	54
TALZENNA	26	testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tobramycin NEBU	2
tamoxifen citrate TABS	24	TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS		tobramycin-dexamethasone SUSP	55
tamsulosin hcl	45	TD SUSP	59	TODAY SPONGE MISC	62
tavorole	36	tetrabenazine	57	tolcapone	26
tazarotene CREA 0.1 %	37	tetracycline hcl CAPS	58	tolmetin sodium CAPS	4
TAZVERIK	26	THALOMID	51	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
TDVAX SUSP	59	theophylline ELIX	10	TOLSURA CAPS	17
TEFLARO 400 MG, 600 MG		theophylline SOLN	10	tolterodine tartrate CP24	60
(ceftaroline fosamil)	33				
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	12				

tolterodine tartrate TABS	60	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	37	LOTN 0.1 %	39
tolvaptan TABS	43	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 37		triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	39
topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	44	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	39
topiramate CPSP 25 MG	12	TREMFYA SOLN IV	44	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	34
topiramate CS24	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	37	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	41
topiramate TABS 200 MG	12	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 44		triamterene & hydrochlorothiazide TABS	41
topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	12	TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	44	triamterene CAPS	41
topiramate TABS 50 MG	12	treprostinil SOLN IJ	31	triazolam	46
topotecan hcl SOLR	26	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	16	TRICARE TABS	53
toremifene citrate	24	TRESIBA SOLN	16	trientine hcl 250 MG	51
torseמידe TABS	41	tretinoin (chemotherapy)	26	trifluoperazine hcl TABS	28
TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	32	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	35	trifluridine	54
tramadol hcl TABS 50 MG	6	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	35	trihexyphenidyl hcl SOLN	26
tramadol hcl TB24	6	tretinoin microsphere 0.1 %	35	trihexyphenidyl hcl TABS	26
tramadol-acetaminophen	7	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15
trandolapril 1 MG, 2 MG	19	triamcinolone acetonide (mouth) ..	52	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
trandolapril 4 MG	19	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	54	TRIKAFTA TBPk	58
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	39	trimethobenzamide hcl CAPS	17
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	39	trimethoprim TABS	20
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	46	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	39	trimipramine maleate CAPS	14
tranexamic acid TABS	46	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	39	TRINTELLIX	14
tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide (topical)		TRIUMEQ PD TBSO	29
travoprost SOLN	55			TRIUMEQ TABS	29
TRAZIMERA	23			TROJAN BARESKIN DEVI	48
trazodone hcl TABS	14			TROJAN MAGNUM MISC	48
TRELEGY ELLIPTA	10				
TRELSTAR MIXJECT	24				

TROJAN ULTRA THIN MISC48	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC48	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG 24
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC48	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC48	valacyclovir hcl 1 GM 30
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 48	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 48	valacyclovir hcl 500 MG 30
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 48	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC48	valganciclovir hcl TABS29
tropicamide SOLN 0.5 %54	TRUXIMA23	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML 13
tropicamide SOLN 1 %54	TUKYSA23	valproic acid CAPS 13
tropium chloride CP2460	TURALIO 125 MG 26	valrubicin 25
tropium chloride TABS60	TWINRIX SUSY62	valsartan TABS 19
TRUE COVER DEVI48	TWIRLA 33	valsartan-hydrochlorothiazide20
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP40	TYBLUME CHEW33	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD11
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...49	TYBOST29	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML11
TRULANCE43	TYMLOS42	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML11
TRULICITY15	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...32	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 11
TRUMENBA 0.5 ML60	TYVASO SOLN IN32	vancomycin hcl CAPS 21
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC48	TYVASO STARTER KIT SOLN IN 32	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC48	UBRELVY 49	VAQTA 62
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC48	UDENYCA ONBODY SOSY46	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML 62
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC48	UDENYCA SOAJ46	varenicline tartrate TABS 58
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC48	UDENYCA SOSY46	varenicline tartrate TBPK 58
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC48	umeclidinium-vilanterol10	VARIVAX SUSR 62
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...48	UPTRAVI TABS 200 MCG32	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...17
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 48	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 32	VAXELIS SUSP59
	UPTRAVI TITRATION TBPK 32	VAXELIS SUSY59
	ursodiol CAPS 44	VAXNEUVANCE 60
	ursodiol TABS44	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM62
	UVADEX26	

VECAMYL	20	VORAXAZE	26	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
VECTIBIX 100 MG/5ML	24	voriconazole TABS	17	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
venlafaxine hcl CP24	14	VOSEVI	30	XOSPATA	26
venlafaxine hcl TABS	14	warfarin sodium TABS	10	XTANDI CAPS	24
venlafaxine hcl TB24	14	water for irrigation, sterile	52	XTANDI TABS 40 MG	24
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	31	WESTAB PLUS TABS	53	XTANDI TABS 80 MG	24
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	48	XULTOPHY	15
verapamil hcl TABS	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	48	XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	18
verapamil hcl TBCR	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	48	YERVOY	23
VEREGEN	35	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	48	YESINTEK 130 MG/26ML	44
VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	48	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	37
vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	48	YONSA	24
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	49	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	49	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3
vincristine sulfate	26	XALKORI CAPS	26	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	26	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3
VIRACEPT TABS 250 MG	29	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)	10	zafirlukast	9
VIRACEPT TABS 625 MG	29	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	zaleplon 10 MG	46
VIREAD POWD	29	XARELTO TABS 15 MG	10	zaleplon 5 MG	46
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	29	XELJANZ SOLN	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	23
VISTOGARD	16	XELJANZ TABS 10 MG	2	ZANOSAR	23
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	63	XELJANZ TABS 5 MG	2	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
VITATHELY WITH GINGER TABS 53		XELJANZ XR TB24	2	ZARXIO	46
VITRAKVI CAPS	26	XHANCE EXHU	54	ZEJULA TABS	26
VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 200 MG	21	ZELBORAF	26
VIVITROL	16	XIFAXAN 550 MG	21	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,	
VIZIMPRO	24	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15		
		XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500			

24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	41
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	41
zidovudine CAPS	29
zidovudine SYRP	29
zidovudine TABS	29
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	27
ZIRABEV	23
ZIRGAN GEL	54
ZOLADEX 10.8 MG	24
ZOLADEX 3.6 MG	24
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 42	
ZOLINZA	26
zolmitriptan SOLN	50
zolmitriptan TABS	50
zolmitriptan TBDP	50
zolpidem tartrate TABS	46
zolpidem tartrate TBCR	46
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	45
ZUBSOLV SUBL	7
ZYDELIG	26

Ambetter from Arkansas Health & Wellness is underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc. These companies are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc., AmbetterHealth.com/en/ar. For information on your right to receive an Ambetter from Arkansas Health & Wellness plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Arkansas Health & Wellness được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc. và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc. Những công ty này là các đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Arkansas. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc. và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc., AmbetterHealth.com/en/ar. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Arkansas Health & Wellness mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.